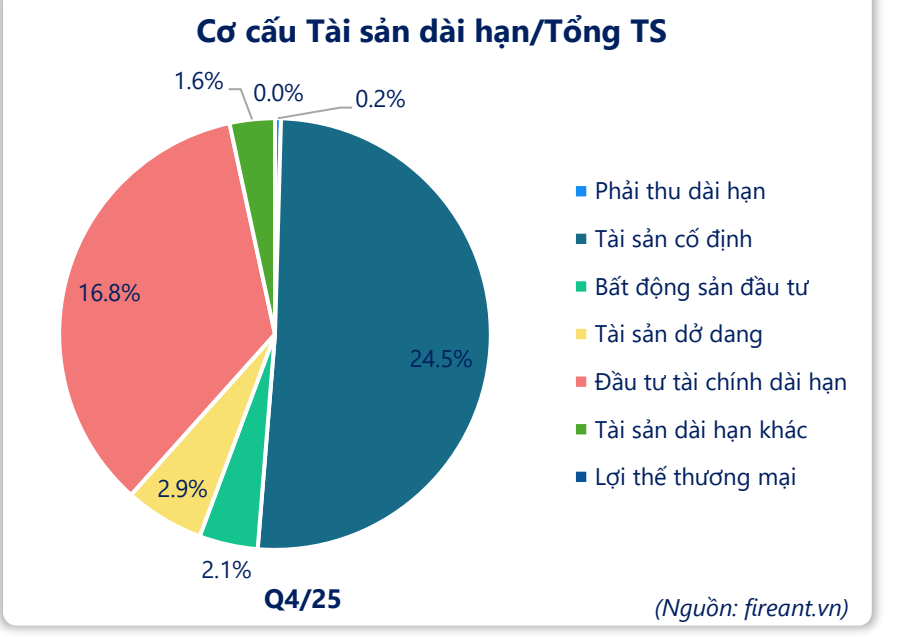
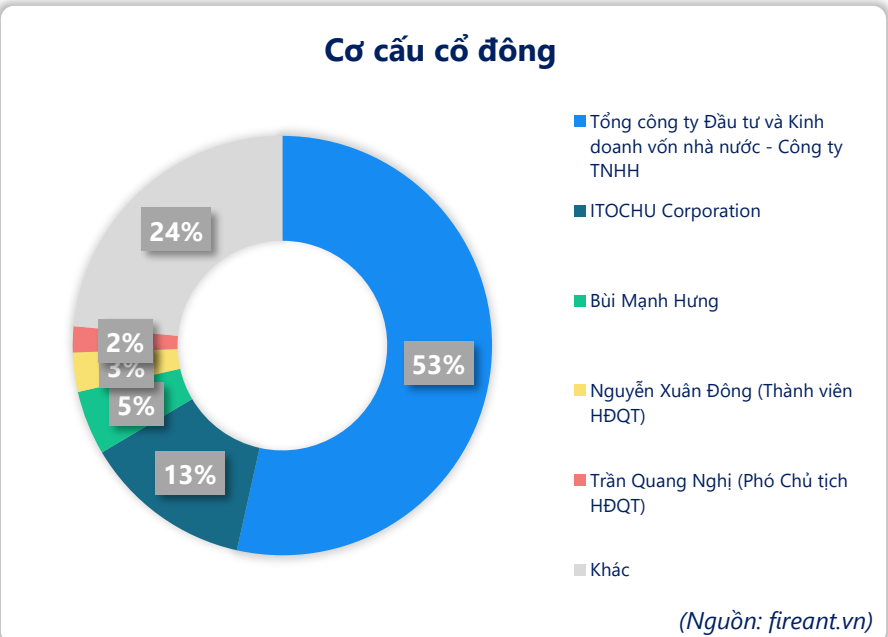
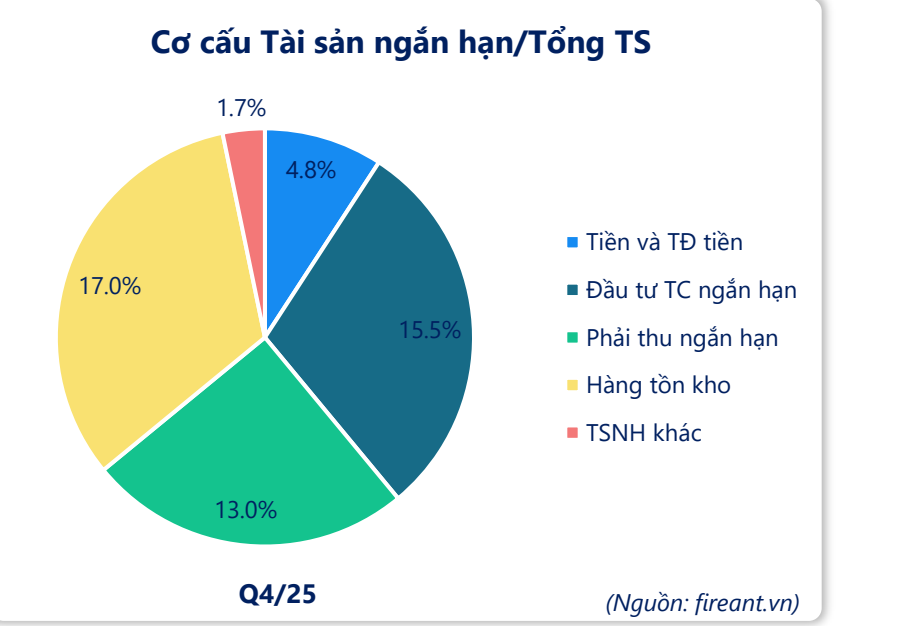
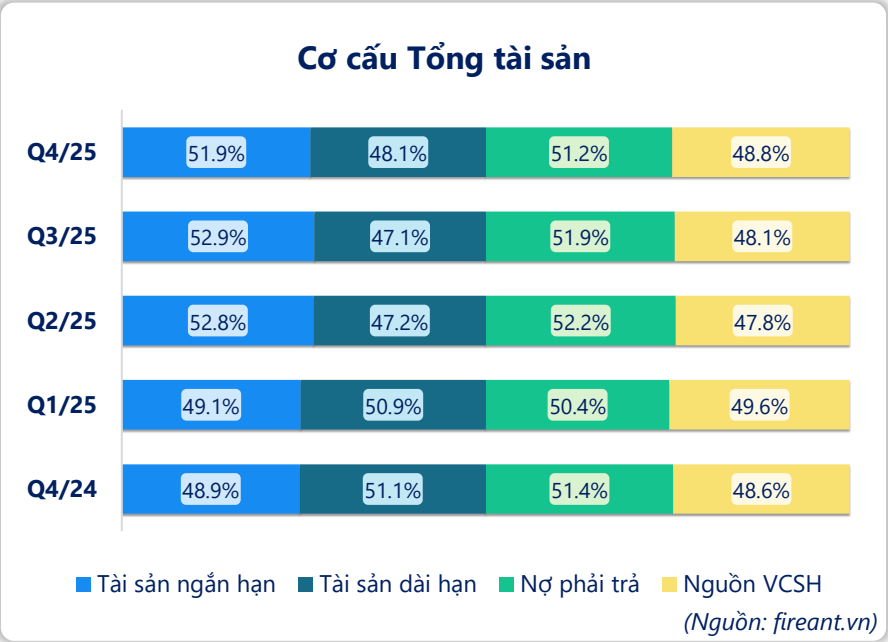
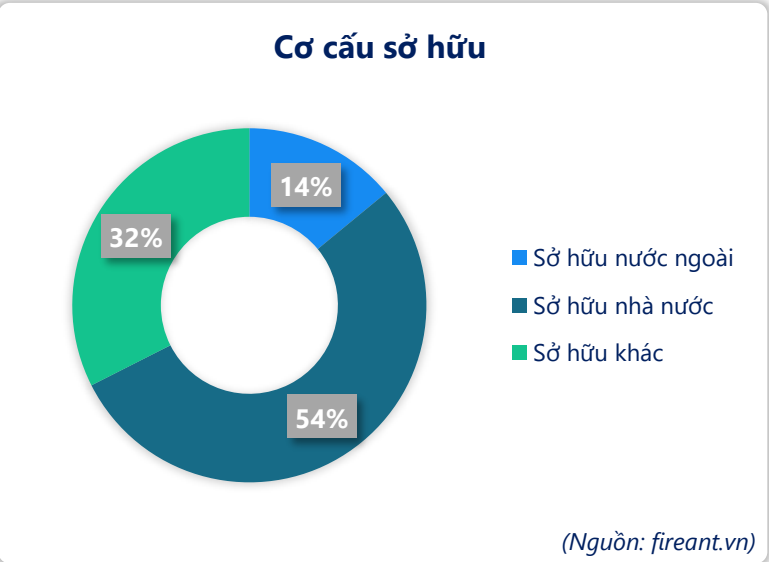
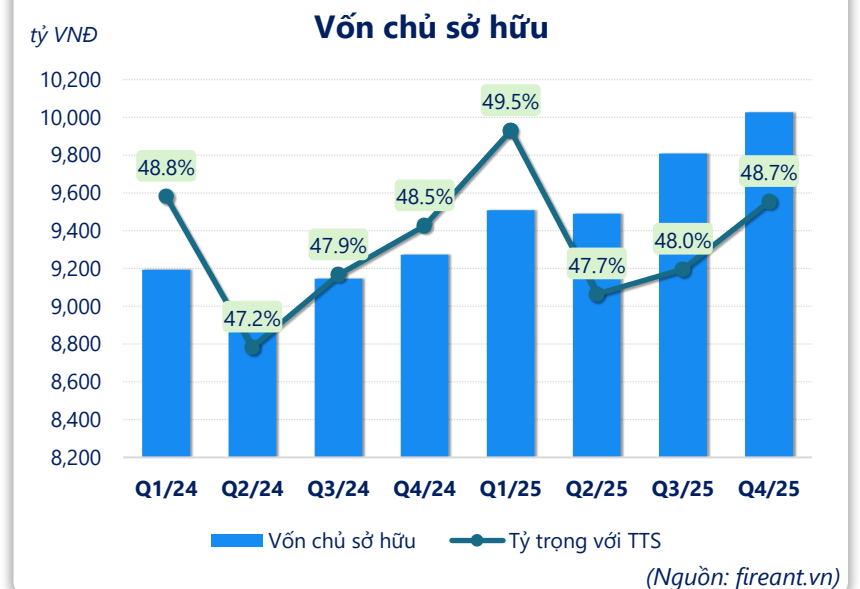
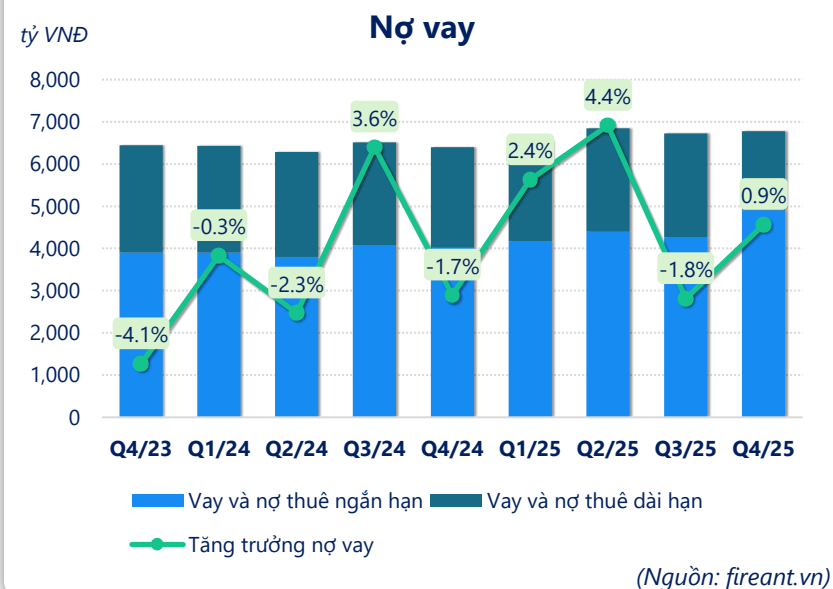
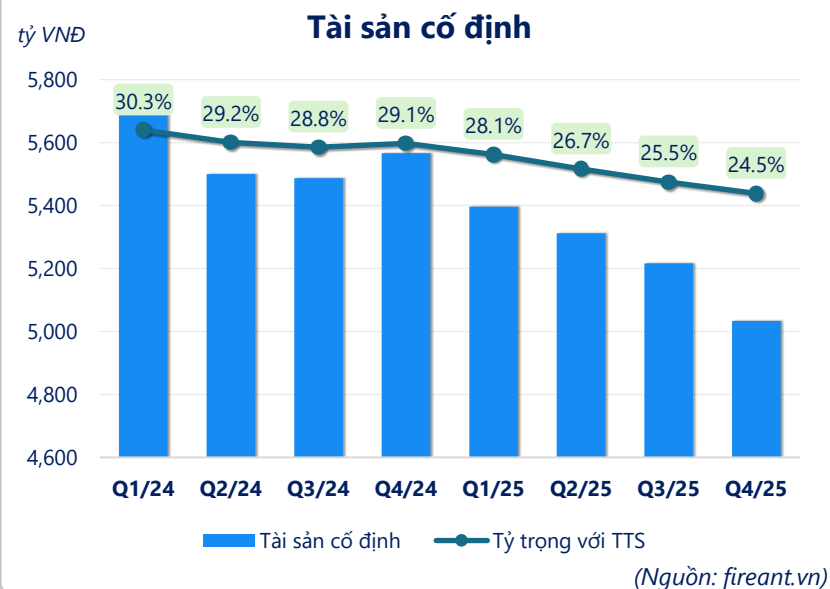
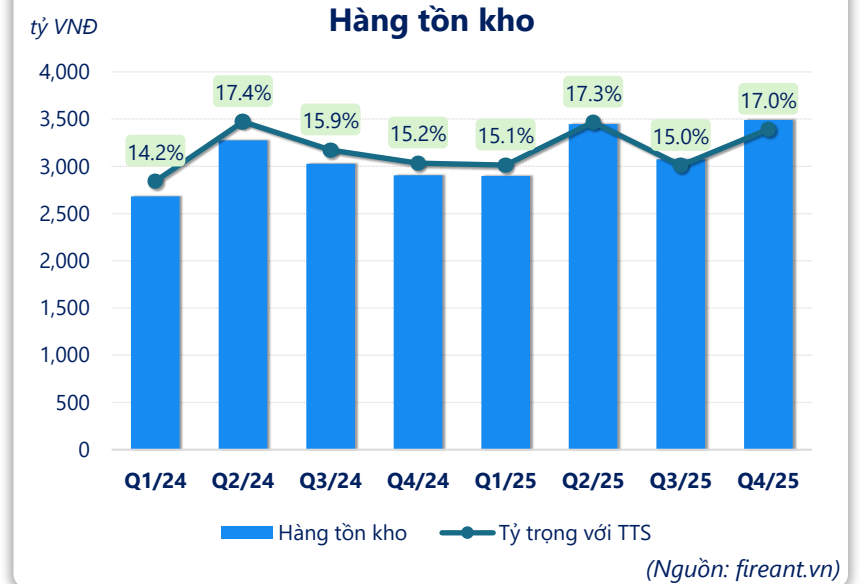
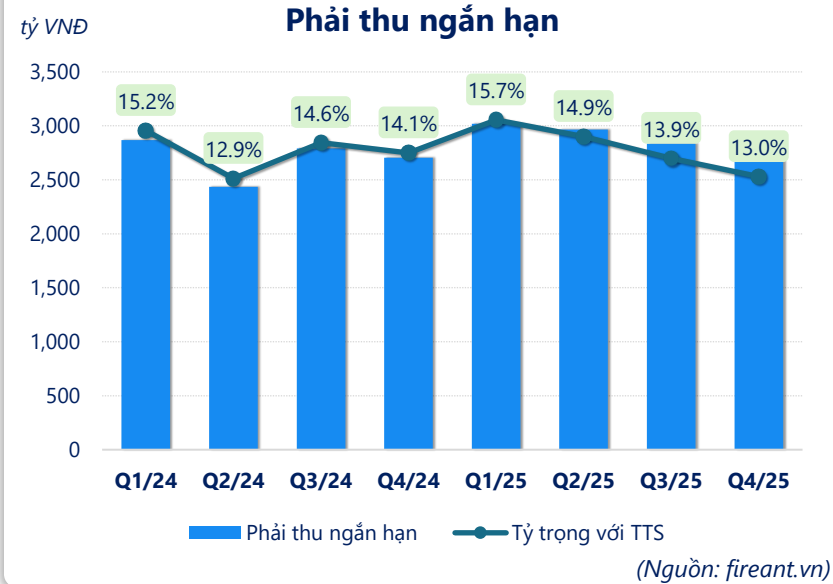
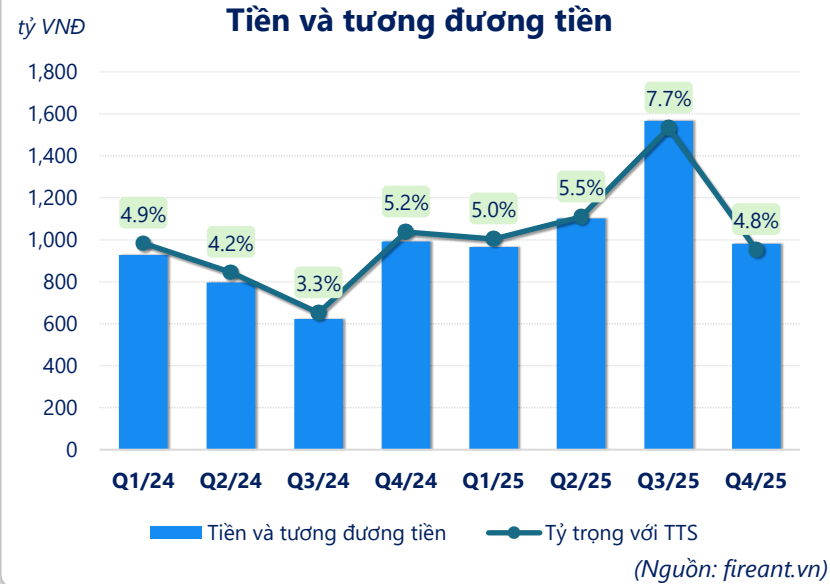
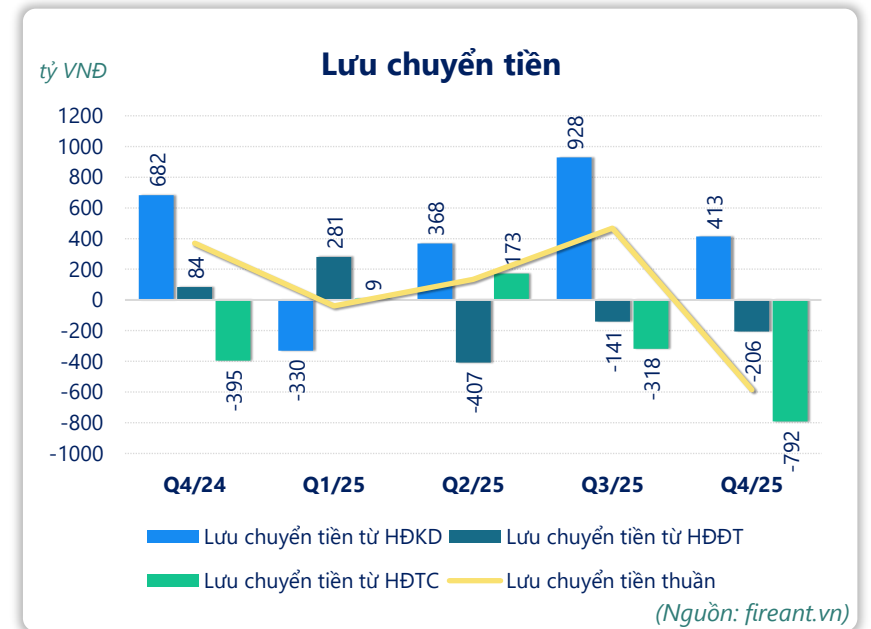
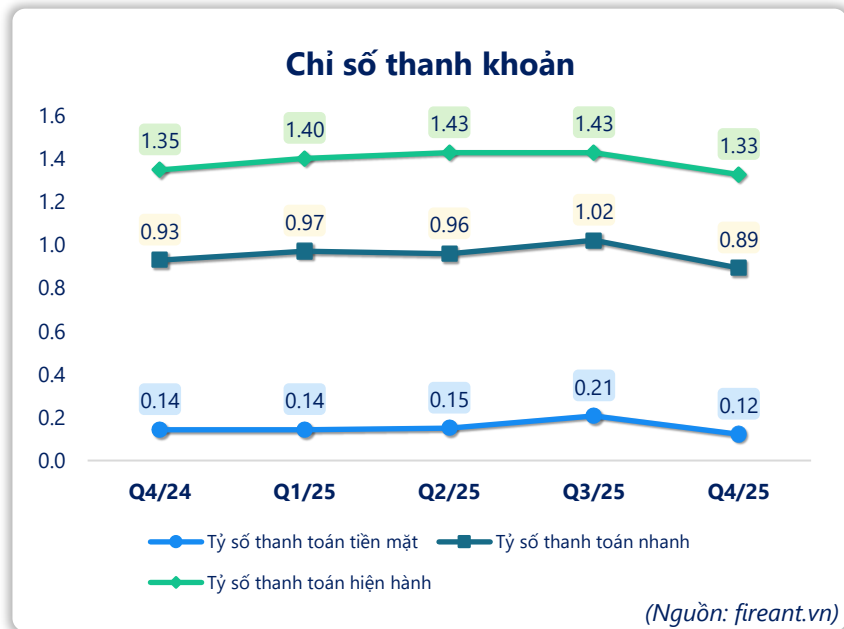
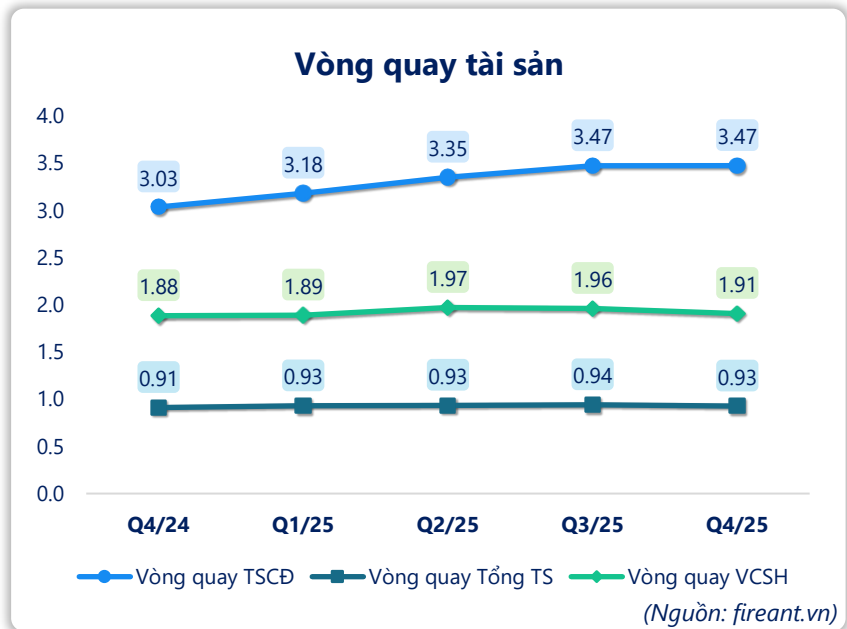
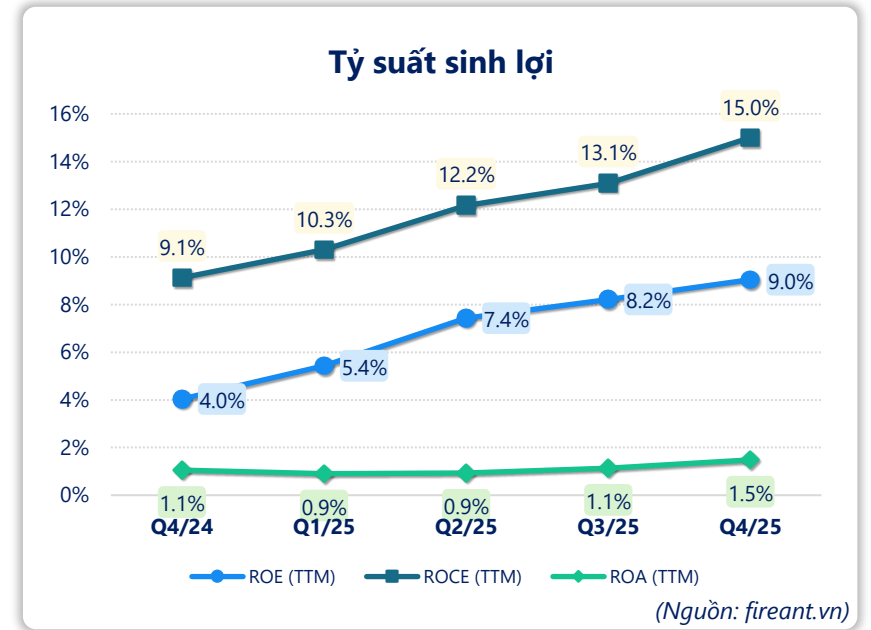
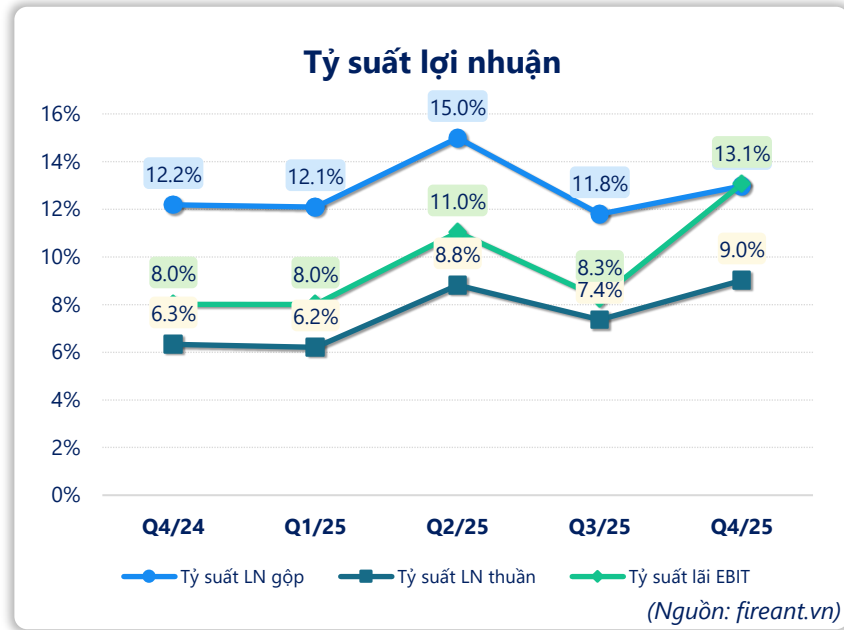
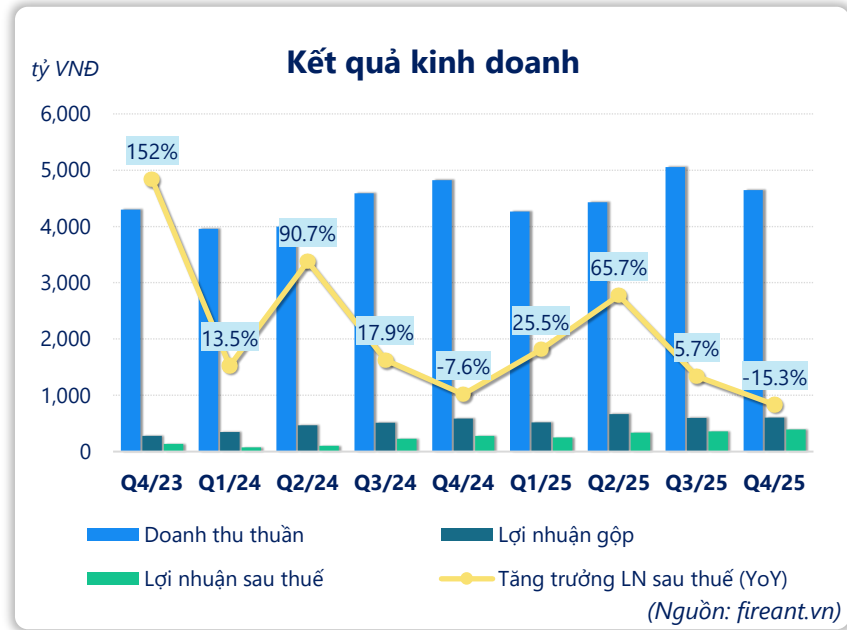


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,483
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,926
SL cổ phiếu LH		500,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		411,550
% sở hữu nước ngoài		14.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,050
P/E		6.9
EPS		1,745

	YTD	1T	3T	6T
VGT	-16.5%	-3.4%	2.2%	-1.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	20,584	19,266	6.8%
Tài sản ngắn hạn	10,683	9,552	11.8%
Tiền và tương đương tiền	981	1,005	-2.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,185	2,470	28.9%
Phải thu ngắn hạn	2,677	2,606	2.8%
Hàng tồn kho	3,491	3,218	8.5%
Tài sản ngắn hạn khác	348	253	37.5%
Tài sản dài hạn	9,901	9,714	1.9%
Phải thu dài hạn	44.2	48.3	-8.5%
Tài sản cố định	5,033	5,554	-9.4%
Bất động sản đầu tư	435	265	64.2%
Tài sản dở dang	589	401	46.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	3,464	3,139	10.4%
Tài sản dài hạn khác	335	307	9.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10,539	9,990	5.5%
Nợ ngắn hạn	8,048	7,067	13.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,908	4,040	21.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,043	1,259	-17.1%
Nợ dài hạn	2,491	2,923	-14.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,871	2,372	-21.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,045	9,276	8.3%
Vốn chủ sở hữu	10,026	9,257	8.3%
Vốn điều lệ	5,000	5,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	18.7	19.3	-3.2%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	4,819	4,268	4,429	5,055	4,648
Giá vốn hàng bán	4,232	3,752	3,765	4,459	4,044
Lợi nhuận gộp	587	516	664	596	603
Doanh thu HĐTC	80.1	76.2	113	52.9	126
Chi phí TC	134	112	140	77.2	125
Chi phí lãi vay	56.2	70.5	92.6	41.0	173
LN trong công ty LKLD	180	127	132	215	203
Chi phí bán hàng	143	120	124	131	129
Chi phí QLDN	265	223	254	283	259
LN thuần từ HĐKD	305	265	390	372	419
Lợi nhuận khác	24.7	6.18	5.63	5.51	15.4
LN trước thuế	330	271	396	378	434
Lợi nhuận sau thuế	279	251	333	359	392
LNST của CĐ cty mẹ	200	172	181	225	295

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	682	-330	368	928	413
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	83.8	281	-407	-141	-206
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-395	9.39	173	-318	-792
Tiền đầu kỳ	622	1,005	965	1,102	1,566
Lưu chuyển tiền thuần	370	-39.6	133	468	-585
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	3.68	-3.68	0
Tiền cuối kỳ	992	965	1,102	1,566	981

(Nguồn: fireant.vn)